



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 09

Ngày 11 tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Trang

03-02-2021	Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
------------	---	----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Số: 06/2021/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu
trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị đặc thù (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh).

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi chung là cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh).

3. Cá nhân, tổ chức khác có liên quan trong hoạt động sử dụng dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế" (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là kho dữ liệu dùng chung, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong tỉnh công bố rộng rãi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

2. "Cơ sở dữ liệu chuyên ngành" là tập hợp liên kết các dữ liệu (các thông tin, số liệu thống kê) do các cơ quan nhà nước cung cấp, thông qua giải pháp kết nối, thu thập và chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin chuyên ngành thuộc chuyên ngành lĩnh vực của cơ quan bao gồm các lĩnh vực như: kinh tế, xã hội, văn hóa, du lịch, y tế, giáo dục, tài nguyên môi trường... trên phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế được lưu trữ, quản lý trong Hệ thống.

Điều 4. Nguyên tắc cập nhật cơ sở dữ liệu vào Hệ thống

1. Các thông tin, dữ liệu chuyên ngành các sở, ban, ngành cấp tỉnh được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thường xuyên; đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan.

2. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu chuyên ngành phải đảm bảo đúng mục đích, tuân theo các quy định của pháp luật.

3. Các thông tin chuyên ngành do các cơ quan nhà nước cung cấp được công bố trên Hệ thống phải đảm bảo các quy định hiện hành về bảo mật thông tin, không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

4. Cơ sở dữ liệu được các đơn vị, địa phương chia sẻ lên Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh không được chồng lấn với các cơ sở dữ liệu của bộ, ngành và phải đảm bảo được đồng bộ với cơ sở dữ liệu dùng chung của các bộ, ngành.

5. Các cơ quan phối hợp thực hiện trên Hệ thống được cấp phát 01 tài khoản truy cập và được phân quyền để cập nhật các thông tin chuyên ngành do đơn vị phụ trách được quy định theo chức năng nhiệm vụ.

6. Việc cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành phải bao gồm cả thông tin chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan cung cấp được hình thành trước và sau khi Quy chế này có hiệu lực thi hành và được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu phối hợp với cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống để cập nhật các dữ liệu chuyên ngành có trước khi Quy định này có hiệu lực.

b) Sau khi Quy chế này có hiệu lực, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cập nhật dữ liệu định kỳ cập nhật thông tin chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan trong các Quý trong năm lên Hệ thống trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đầu tiên của Quý sau. Đối với các cơ quan, đơn vị đã có cơ sở dữ liệu chuyên ngành, có hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo các tiêu chuẩn của ngành và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, thì cung cấp API để hệ thống kết nối.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Làm sai lệch, giảm tính chính xác của dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ, khai thác Kho dữ liệu dùng chung.

3. Lưu trữ dữ liệu trái phép hoặc sử dụng dữ liệu vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ, khai thác Hệ thống dữ liệu mở.

Chương II

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ VÀ CÁCH THỨC VẬN HÀNH HỆ THỐNG DỮ LIỆU MỞ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Điều 6. Biện pháp quản lý

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện đôn đốc, thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thẩm quyền; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước.

b) Kiểm tra độ an toàn, toàn vẹn dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh.

c) Đảm bảo các biện pháp an toàn, an ninh mạng đối với Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh.

2. Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm giám sát, quản lý cấu trúc dữ liệu, chất lượng dữ liệu của cơ quan, đơn vị mình cập nhật lên Hệ thống dữ liệu mở của tỉnh.

Điều 7. Cách thức vận hành

1. Giao trách nhiệm quản lý, vận hành, đảm bảo an toàn, an ninh đối với Hệ thống dữ liệu mở cho Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế (HueIOC) tại địa chỉ:

<https://opendata.thuathienhue.gov.vn> hoặc <https://data.thuathienhue.gov.vn>

2. Các sở ban ngành công bố các dữ liệu do đơn vị mình thu thập, quản lý theo quy định.

3. Chủ quản hệ thống thông tin tham gia vào quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình.

Chương III

KHAI THÁC DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG DỮ LIỆU MỞ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Điều 8. Nguyên tắc khai thác

1. Cá nhân, tổ chức có nhu cầu có thể thực hiện khai thác dữ liệu chuyên ngành được công khai trên Hệ thống.

2. Tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh được cấp quyền khai thác dữ liệu từ Hệ thống thông qua tài khoản được cấp của mỗi đơn vị và có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Các hình thức khai thác cơ sở dữ liệu trên Hệ thống

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh được cấp tài khoản và mật khẩu đăng nhập vào Hệ thống để khai thác dữ liệu.

2. Cá nhân, tổ chức tiến hành liên kết vào trang chủ của Hệ thống để thực hiện khai thác dữ liệu.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC CẬP NHẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH VÀO HỆ THỐNG DỮ LIỆU MỞ

Điều 10. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, vận hành Hệ thống; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan liên quan cập nhật dữ liệu vào Hệ thống.

2. Tổng hợp Báo cáo về việc cập nhật dữ liệu hằng Quý của các sở, ban, ngành cấp tỉnh gửi đến Hội đồng thẩm định theo đúng quy định về thẩm quyền quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 66/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22 tháng 11 năm 2018 để làm căn cứ, cơ sở đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu.

Điều 11. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Cơ quan đăng tải thông tin, dữ liệu lên Hệ thống là các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cụ thể các cơ quan sau:

- Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh;
- Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh;
- Nhà xuất bản Thuận Hóa;
- Trung tâm Công nghệ thông tin;
- Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế;
- Viện Nghiên cứu phát triển tỉnh;

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế;
- Trung tâm Festival Huế;
- Trường Cao đẳng Y tế Huế.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh quy định tại Khoản 1 của Điều này có nhiệm vụ đăng tải dữ liệu chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực cơ quan công tác lên Hệ thống theo đúng thời hạn và nội dung quy định tại Quy chế này (cụ thể tại Phụ lục Danh mục dữ liệu chuyên ngành trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Xử lý vi phạm

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các cá nhân liên quan không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành mình vào Hệ thống thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Lượng dữ liệu chuyên ngành theo tiêu chí báo cáo dữ liệu của ngành được đăng tải thực tế của các cơ quan là tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các sở, ban, ngành theo quy định tại Quyết định số 66/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 22 tháng 11 năm 2018.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm Điều 5 Quy chế này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân công thành viên nội bộ cơ quan thực hiện công việc cập nhật và đảm bảo việc cập nhật thường xuyên, đúng nội dung, đúng thời hạn.

3. Định kỳ hàng Quý, trước ngày 25 của tháng cuối Quý, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối, đơn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục
DANH MỤC DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH
TRÊN HỆ THỐNG DỮ LIỆU MỞ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Thừa Thiên Huế, ban hành theo Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
1.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	1.1. Chương trình, kế hoạch công tác; kiểm soát thủ tục hành chính; 1.2. Số liệu thống kê việc tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh, cấp huyện và cấp xã; 1.3. Các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 1.4. Các thông tin dữ liệu khác thuộc phạm vi hoạt động của Văn phòng.
2.	Sở Công Thương	Các thông tin, số liệu thống kê về các ngành và lĩnh vực sau: 2.1. Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới, năng lượng tái tạo; dầu khí; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; 2.2. Công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng); 2.3. Công nghiệp tiêu dùng; 2.4. Công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; an toàn thực phẩm; 2.5. Lưu thông hàng hóa trên địa bàn tỉnh; 2.6. Xuất khẩu, nhập khẩu; thương mại biên giới; 2.7. Xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế;

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>2.8. Quản lý cạnh tranh, chống bán phá giá; chống trợ cấp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;</p> <p>2.9. Khuyến công, quản lý cụm công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>2.10. Các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.</p>
3.	Sở Giáo dục và Đào tạo	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về các hoạt động của Sở, cụ thể:</p> <p>3.1. Số liệu trong công tác kiểm tra, thanh tra các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở, các Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, quy chế chuyên môn, việc thực hiện chính sách đối với người học, các điều kiện đảm bảo của các cơ sở giáo dục công lập; công tác tuyển sinh, thi, xét duyệt, cấp văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục; công tác phổ cập giáo dục, chống mù chữ, xây dựng xã hội học tập ở địa phương và các hoạt động giáo dục khác theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>3.2. Số liệu, thông tin các tổ chức dịch vụ du học tự túc theo quy định của pháp luật; thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực giáo dục theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>3.3. Số liệu thống kê trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện thành lập trường, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo, công khai chất lượng giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
4.	Sở Giao thông vận tải	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về:</p> <p>4.1. Đường bộ, đường thủy nội địa;</p> <p>4.2. Vận tải; an toàn giao thông;</p> <p>4.3. Quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị gồm: Cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn.</p>
5.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Các thông tin, số liệu thống kê các hoạt động quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, gồm:</p> <p>5.1. Tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;</p> <p>5.2. Đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương;</p> <p>5.3. Quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;</p> <p>5.4. Đấu thầu;</p> <p>5.5. Đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương;</p> <p>5.6. Tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân;</p> <p>5.7. Tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
6.	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm:</p> <p>6.1. Hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ;</p> <p>6.2. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;</p> <p>6.3. Sở hữu trí tuệ;</p> <p>6.4. Ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân;</p> <p>6.5. Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở theo quy định của pháp luật.</p>
7.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về:</p> <p>7.1. Lao động; việc làm; dạy nghề;</p> <p>7.2. Tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp);</p> <p>7.3. An toàn lao động;</p> <p>7.4. Người có công; bảo trợ xã hội;</p> <p>7.5. Bảo vệ và chăm sóc trẻ em;</p> <p>7.6. Bình đẳng giới;</p> <p>7.7. Phòng, chống tệ nạn xã hội.</p>
8.	Sở Ngoại vụ	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia của địa phương, cụ thể về:</p> <p>8.1. Định hướng mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ trương và lộ trình hội nhập quốc tế của địa phương;</p> <p>8.2. Các chương trình hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>8.3. Công tác ngoại giao văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược ngoại giao văn hóa trong từng thời kỳ;</p> <p>8.4. Các vấn đề liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài và thân nhân của họ tại địa phương;</p> <p>8.5. Công tác bảo hộ công dân đối với người Việt Nam ở nước ngoài có liên quan đến địa phương;</p> <p>8.6. Triển khai chương trình, kế hoạch thông tin tuyên truyền đối ngoại của địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;</p> <p>8.7. Tổ chức và quản lý các hội nghị, hội thảo quốc tế tại địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>8.8. Các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.</p>
9.	Sở Nội vụ	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về:</p> <p>9.1. Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>9.2. Tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>9.3. Cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; chính quyền địa phương;</p> <p>9.4. Địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>9.5. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;</p> <p>9.6. Văn thư, lưu trữ nhà nước;</p> <p>9.7. Tôn giáo;</p> <p>9.8. Thi đua - khen thưởng và công tác thanh niên.</p>
10.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về các ngành, lĩnh vực:</p> <p>10.1. Nông nghiệp;</p> <p>10.2. Lâm nghiệp;</p> <p>10.3. Thủy sản; thủy lợi;</p> <p>10.4. Phát triển nông thôn;</p> <p>10.5. Phòng, chống thiên tai;</p> <p>10.6. Chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản;</p> <p>10.7. Các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>
11.	Sở Tài chính	<p>Các thông tin, số liệu thống kê về:</p> <p>11.1. Tài chính;</p> <p>11.2. Ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước;</p> <p>11.3. Tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước;</p> <p>11.4. Đầu tư tài chính;</p> <p>11.5. Tài chính doanh nghiệp;</p> <p>11.6. Kế toán; kiểm toán độc lập;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		11.7. Lĩnh vực giá; 11.8. Các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật
12.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, gồm: 12.1. Đất đai; 12.2. Tài nguyên nước; 12.3. Tài nguyên khoáng sản, địa chất; 12.4. Môi trường; 12.5. Khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; 12.6. Đo đạc và bản đồ; 12.7. Quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, đảo và đầm phá; 12.8. Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng của Sở.
13.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về: 13.1. Báo chí; xuất bản; 13.2. Bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; 13.3. Công nghệ thông tin; điện tử; 13.4. Phát thanh và truyền hình; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; 13.5. Thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; 13.6. Quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
14.	Sở Tư pháp	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về:</p> <p>14.1. Công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật;</p> <p>14.2. Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>14.3. Pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật;</p> <p>14.4. Hòa giải ở cơ sở;</p> <p>14.5. Hộ tịch; quốc tịch;</p> <p>14.6. Chứng thực;</p> <p>14.7. Nuôi con nuôi;</p> <p>14.8. Lý lịch tư pháp;</p> <p>14.9. Bồi thường nhà nước;</p> <p>14.10. Trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật;</p> <p>14.11. Công chứng;</p> <p>14.12. Giám định tư pháp;</p> <p>14.13. Bán đấu giá tài sản;</p> <p>14.14. Trọng tài thương mại;</p> <p>14.15. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản;</p> <p>14.16. Hòa giải thương mại;</p> <p>14.17. Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính</p> <p>14.18. Công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.</p>
15.	Sở Văn hóa và Thể thao	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về:</p> <p>15.1. Văn hóa, gia đình;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>15.2. Thẻ dực, thể thao;</p> <p>15.3. Quảng cáo (trừ quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm) trên địa bàn tỉnh;</p> <p>15.4. Di sản;</p> <p>15.5. Các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.</p>
16.	Sở Xây dựng	<p>Các thông tin và số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về các lĩnh vực:</p> <p>16.1. Quy hoạch xây dựng và kiến trúc;</p> <p>16.2. Hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị);</p> <p>16.3. Nhà ở;</p> <p>16.4. Công sở;</p> <p>16.5. Thị trường bất động sản;</p> <p>16.6. Vật liệu xây dựng;</p> <p>16.7. Các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.</p>
17.	Sở Y tế	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác quản lý nhà nước về y tế, bao gồm:</p> <p>17.1. Quản lý công tác dân số kế hoạch hóa gia đình;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		17.2. Quản lý khám bệnh, chữa bệnh; 17.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm; 17.4. Quản lý bệnh không lây nhiễm; 17.5. Quản lý tiêm chủng và sử dụng vắc xin phòng bệnh; 17.6. Quản lý uống vitamin A; 17.7. Quản lý phòng, chống suy dinh dưỡng; 17.8. Quản lý thông tin tử vong; 17.9. Quản lý an toàn thực phẩm; 17.10. Quản lý vệ sinh môi trường; 17.11. Quản lý hành nghề y, dược.
18.	Sở Du lịch	Các thông tin, số liệu thống kê trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương, cụ thể: 18.1. Đề án, dự án, chương trình phát triển du lịch; 18.2. Bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch ở địa phương; 18.3. Thẩm định và quyết định xếp hạng 1 sao, hạng 2 sao và hạng 3 sao cho khách sạn, biệt thự, tàu thủy lưu trú du lịch, căn hộ du lịch; hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh dịch vụ thể thao, dịch vụ vui chơi, giải trí, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ mua sắm, dịch vụ ăn uống; 18.4. Tổ chức cấp, cấp lại, đổi, thu hồi thẻ hướng dẫn viên du lịch, giấy chứng nhận thuyết minh viên; 18.5. Kế hoạch, chương trình xúc tiến du lịch và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến du lịch, sự kiện, hội chợ, hội thảo, triển lãm du lịch của địa phương;

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>18.6. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và xử lý vi phạm pháp luật đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về du lịch;</p> <p>18.7. Công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động du lịch.</p>
19.	Thanh tra tỉnh	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong công tác sau:</p> <p>19.1. Thanh tra;</p> <p>19.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo;</p> <p>19.3. Phòng, chống tham nhũng.</p> <p>19.4. Tiếp công dân.</p>
20.	Ban Dân tộc	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong quản lý nhà nước về công tác dân tộc, cụ thể:</p> <p>20.1. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao cho đồng bào dân tộc thiểu số;</p> <p>20.2. Chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn;</p> <p>20.3. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc.</p>
21.	Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh	<p>Các thông tin, số liệu thống kê trong hoạt động quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế, công nghiệp, cụ thể:</p> <p>21.1. Quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Khu kinh tế cửa khẩu A Đốt và các Khu công nghiệp Phú Bài, Phú Đa, La Sơn, Phong Điền, Tứ Hạ, Quảng Vinh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		21.2. Quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp.
22.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	<p>Các dữ liệu chuyên ngành về:</p> <p>22.1. Các dự án sử dụng vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác) để đầu tư xây dựng các công trình dân dụng (trụ sở, các cơ sở giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, công trình hạ tầng công cộng,...) trên địa bàn tỉnh;</p> <p>22.2. Các công trình hoàn thành thực hiện bàn giao.</p>
23.	Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong hoạt động quản lý nhà nước về:</p> <p>23.1. Quản lý, giám sát quá trình đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; đảm bảo sự kết nối đồng bộ và quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, kết nối hạ tầng kỹ thuật giữa các dự án trong giai đoạn đầu tư xây dựng;</p> <p>23.2. Tiếp nhận, quản lý, vận hành khai thác và tổ chức bảo trì các công trình hạ tầng trong Khu vực phát triển đô thị.</p>
24.	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	<p>Các dữ liệu chuyên ngành về:</p> <p>24.1. Kế hoạch, đề tài xuất bản hàng năm của đơn vị;</p> <p>24.2. Các loại sách, văn hoá phẩm phục vụ cho công tác giáo dục tư tưởng, chính trị và nhu cầu về văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghệ thuật... của nhân dân được xuất bản;</p> <p>24.3. Các loại sách nhà xuất bản tổ chức biên soạn, biên dịch, biên tập và xuất bản.</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
25.	Trung tâm Công nghệ thông tin	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong các hoạt động:</p> <p>25.1. Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin, đào tạo ngoại ngữ theo các chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>25.2. Tư vấn thiết kế, giám sát và kiểm thử đối với các dự án công nghệ thông tin;</p> <p>25.3. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực CNTT cho các cơ quan nhà nước;</p> <p>25.4. Cung cấp dịch vụ nội dung số và chuyển đổi số cho các ngành/tổ chức và doanh nghiệp;</p> <p>25.5. Phát triển Trang thông tin điện tử Khám phá Huế;</p> <p>25.6. Quản lý Khu Công viên phần mềm, công nghệ thông tin tập trung.</p>
26.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong hoạt động:</p> <p>26.1. Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng và các trình độ khác từ cao đẳng trở xuống;</p> <p>26.2. Nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ các ngành học;</p> <p>26.3. Thực hiện các hoạt động dịch vụ khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, thực hành, thực tập phù hợp với ngành nghề đào tạo;</p> <p>26.4. Thực hiện các quan hệ hợp tác quốc tế, liên kết, liên thông về đào tạo - bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, triển khai khoa học - công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;</p> <p>26.5. Tuyển sinh và quản lý người học theo các quy định hiện hành.</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
27.	Viện Nghiên cứu và phát triển tỉnh	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong hoạt động quản lý nhà nước về:</p> <p>27.1. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>27.2. Tư vấn, đào tạo, dịch vụ có thu phù hợp với nhiệm vụ, năng lực của Viện;</p> <p>27.3. Dự báo về xu hướng phát triển kinh tế, xã hội và thu hút đầu tư phục vụ cho quá trình quản lý, hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội;</p> <p>27.4. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về kinh tế - xã hội trong nước, ngoài nước và của tỉnh; xuất bản các ấn phẩm thông tin của Viện;</p> <p>27.5. Xây dựng Đề án nhằm phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), thực hiện có hiệu quả chính sách công của tỉnh.</p>
28.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông	<p>Các dữ liệu chuyên ngành của ban trong công tác thực hiện nhiệm vụ với vai trò là chủ đầu tư, quản lý dự án hoặc nhận ủy thác quản lý dự án, như:</p> <p>28.1. Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		28.2. Các nhiệm vụ thực hiện dự án: thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định,...
29.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong các hoạt động thuộc thẩm quyền của Ban:</p> <p>29.1. Làm chủ đầu tư các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh giao;</p> <p>29.2. Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác theo hợp đồng ủy thác quản lý các dự án được ký kết;</p> <p>29.3. Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;</p> <p>29.4. Bàn giao công trình hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng dự án.</p>
30.	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong phạm vi hoạt động của Đài như:</p> <p>30.1. Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp phát thanh, truyền thanh, truyền hình và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt;</p> <p>30.2. Sản xuất và phát sóng các chương trình phát thanh, các chương trình truyền hình, nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử bằng tiếng Việt, bằng các tiếng dân tộc và tiếng nước ngoài theo quy định của pháp luật;</p> <p>30.3. Vận hành, quản lý, khai thác hệ thống kỹ thuật chuyên ngành để sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu và phát sóng các chương trình phát thanh, truyền hình của địa phương và quốc gia;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>30.4. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng các thành tựu kỹ thuật, công nghệ thuộc lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử;</p> <p>30.5. Tổ chức các hoạt động quảng cáo, kinh doanh, dịch vụ; tiếp nhận sự tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;</p> <p>30.6. Thực hiện công tác thông tin, lưu trữ tư liệu theo quy định của pháp luật.</p>
31.	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong hoạt động công tác của Trung tâm:</p> <p>31.1. Quy trình, quy phạm trùng tu, tôn tạo, phục hồi di tích lịch sử văn hóa; xây dựng quy chuẩn định mức tu bổ di tích phù hợp các Công ước Quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn và đúng với quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; ứng dụng khoa học công nghệ thích ứng vào việc tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích; tư vấn giám sát thi công các công trình, đảm bảo tiến độ, đúng nguyên tắc trùng tu về bảo tồn di tích;</p> <p>31.2. Tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công, lập dự án, quản lý dự án và tổ chức thực hiện dự án các công trình lịch sử văn hóa;</p> <p>31.3. Tổ chức nghiên cứu khoa học, sưu tầm, lưu trữ tài liệu khoa học phục vụ cho công tác bảo tồn, tôn tạo và phục hồi các công trình di tích; đồng thời, làm phong phú giá trị di sản văn hóa Huế;</p> <p>31.4. Nghiên cứu, sưu tầm nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, nghệ thuật truyền thống văn hóa cung đình Huế;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		<p>31.5. Tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế, đặc biệt là với tổ chức UNESCO;</p> <p>31.6. Quản lý, bảo vệ toàn bộ quần thể di tích được Nhà nước giao, các di tích động sản, bất động sản...</p> <p>31.7. Đảm bảo vệ sinh cảnh quan môi trường văn hóa tại các điểm di tích.</p>
32.	Trung tâm Festival Huế	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong hoạt động của Trung tâm, cụ thể:</p> <p>32.1. Xây dựng quy hoạch phát triển, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Trung tâm Festival Huế và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;</p> <p>32.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức, các đề án, phương án, kịch bản và kế hoạch chi tiết tổ chức các kỳ Festival Huế; tìm hiểu đối tác, đề xuất giải pháp phối hợp, liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về các lĩnh vực có liên quan đến công tác tổ chức, truyền thông quảng bá và nội dung hoạt động của các Festival Huế;</p> <p>32.3. Tổ chức các Festival chuyên đề; phối hợp tổ chức và có thể nhận hợp đồng thực hiện các hoạt động lễ hội, các sự kiện lớn trong, ngoài tỉnh với tư cách một đơn vị tổ chức lễ hội;</p> <p>32.4. Phối hợp với các ngành, các địa phương duy trì, phát huy các sản phẩm qua các kỳ Festival và tiếp tục nghiên cứu, khai thác tài nguyên văn hóa, tài nguyên thiên nhiên của địa phương.</p>
33.	Trường Cao đẳng Y tế Huế	<p>Các dữ liệu chuyên ngành trong các hoạt động của trường, cụ thể:</p> <p>33.1. Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực Y tế đa ngành có trình độ cao đẳng và thấp hơn về các chuyên ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe;</p>

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỮ LIỆU	NỘI DUNG DỮ LIỆU CẦN CUNG CẤP
		33.2. Nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; 33.3. Tham gia công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật và Bộ Y tế.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.